UBND TỈNH THANH HÓA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Vật lý

Mã số: 7140211

Thanh Hóa, năm 2023

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ

(Ban hành theo Quyết định số: 2587/QĐ-ĐHHĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

***1. Ngành đào tạo*: *Sư phạm Vật lý* /** Physics Teacher Education

2. Mã ngành: 7140211

3. Chứng nhận kiểm định:

4. Trình độ: Đại học

***5. Hình thức đào tạo*:** Chính quy

6. Điều kiện tuyển sinh: Xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường ĐH Hồng Đức

7. Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

9. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Hồng Đức

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành Sư phạm Vật lý có phẩm chất và năng lực đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên Vật lý. Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức thực hiện, phát triển chương trình môn Vật lý, hoạt động giáo dục ở trường phổ thông và các trường chuyên nghiệp. Có năng lực chuyên môn làm việc tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu, sản xuất, dịch vụ liên quan đến Vật lý. Có khả năng tham gia học tập các chương trình đào tạo sau đại học hoặc phát triển nghề nghiệp. Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có trách nhiệm, có khả năng tự học, tự rèn luyện, nghiên cứu khoa học, đổi mới, sáng tạo, thích ứng với sự phát triển hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Phẩm chất

PO1: Có phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học. Có trách nhiệm và tận tâm. Có ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

2.1.2.2. Năng lực

PO2: Có năng lực tự chủ và thích ứng tốt với sự phát triển của văn hóa – xã hội,

đổi mới giáo dục. Có năng lực giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả. Có năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề. Có năng lực ngoại ngữ và công nghệ. Có năng lực nhận thức về khoa học tự nhiên và văn hoá - xã hội.

PO3: Có năng lực dạy học, năng lực giáo dục. Có năng lực hoạt động xã hội, phát triển nghề nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

PO4: Có năng lực đặc thù của khoa học ngành Vật lý, vận dụng hiệu quả các tri thức khoa học ngành Vật lý để triển khai các nội dung dạy học môn Vật lý trong Chương trình giáo dục phổ thông và vào thực tiễn. Có năng lực nghiên cứu khoa học vật lý và khoa học giáo dục vật lý.

2.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tế, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, thể hiện mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Người học phải đạt bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ, cụ thể như sau:

2. 2.1. Phẩm chất

PLO1: Chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thể hiện được tinh thần trách nhiệm của người công dân, tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng. Sống có trách nhiệm, yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

PLO2: Thể hiện được tác phong sư phạm chuẩn mực của người giáo viên, có trách nhiệm đối với bản thân, học sinh, nhà trường, xã hội và sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học. Trung thực, đáng tin cậy, trách nhiệm và tận tâm. Tự học và tự nghiên cứu suốt đời.

2.2.2. Năng lực

PLO3: Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật. Luôn chủ động trong ứng xử, tự điều chỉnh hành vi bản thân để có cách ứng xử đúng đắn. Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng được với những thay đổi trong môi trường làm việc mới và sự phát triển của khoa học, xã hội. Sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam. Khai thác hiệu quả các ứng dụng của công nghệ thông tin, công nghệ số trong tự học, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

PLO4: Giao tiếp và hợp tác hiệu quả với cá nhân, tập thể trong các hoạt động chuyên môn và hoạt động xã hội. Tôn trọng sự khác biệt của cá nhân, nhóm. Hiểu biết cơ bản về văn hoá, môi trường, xã hội Việt nam, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú, phù hợp với chuẩn mực xã hội, có lối sống thân thiện với môi trường.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên để giải thích được các hiện tượng, quy luật phát triển của tự nhiên trong giảng dạy và thực tiễn. Xây dựng, hình thành và triển khai được ý tưởng mới trong giảng dạy, NCKH cũng như trong thực tiễn. Giải quyết và phản biên được các vấn đề chuyên môn cũng như các vấn đề trong thực tiễn một cách sáng tạo và hiệu quả.

PLO6: Phân tích và phát triển được chương trình giáo dục, dạy học ở trường Phổ thông. Xây dựng được kế hoạch dạy học, chủ đề dạy học và lựa chọn được những phương pháp, phương tiện kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học hiệu quả, phù hợp với phát triển năng lực của học sinh. Xây dựng, quản lí, khai thác được hồ sơ dạy học. Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh nhằm hoàn thành mục tiêu dạy học.

PLO7: Xây dựng được kế hoạch và vận dụng được các phương pháp, phương tiện kỹ thuật và hình thức tổ chức giáo dục phù hợp với với đặc điểm, hoàn cảnh của học sinh và điều kiện thực tế. Xử lý được các tình huống giáo dục, các tình huống sư phạm phát sinh bất ngờ trong hoạt động giảng dạy. Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng, từ đó dự báo được xu hướng phát triển của học sinh, để có những tư vấn hiệu quả cho học sinh, giúp học sinh xây dựng được kế hoạch phát triển cá nhân, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

PLO8: Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển văn hoá–xã hội, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội. Phân tích, tổng hợp, khai thác, được các nguồn thông tin phục vụ cho hoạt động học tập, bồi dưỡng. Trên cơ sở đó, lập và triển khai được mục tiêu, kế hoạch cá nhân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp và tự đánh giá, tự điều chỉnh được bản thân.

PLO9: Tổng hợp, khái quát được kiến thức ngành và hình thành được các kĩ năng Vật lý cơ bản. Vận dụng kĩ năng tiến trình khoa học trong quá trình nhận thức vật lý. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng vật lý, để làm rõ được cơ sở, bản chất và giải quyết của các vấn đề liên quan đến Vật lý trong tự nhiên, đời sống, nghiên cứu và dạy học.

PLO10: Xác định được mục tiêu, vị trí, vai trò, ... của từng đơn vị kiến thức vật lý cốt lõi trong Chương trình Vật lý phổ thông. Giải thích được các nội dung giáo dục vật lý phổ thông trong Chương trình Vật lý phổ thông. Phát triển được kế hoạch dạy học vật lý trong nhà trường phổ thông.

PLO11: Đề xuất được ý tưởng trong nghiên cứu Vật lý và khoa học giáo dục vật lý. Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Vật lý để xây dựng đề cương nghiên cứu, trình bày và bảo vệ được kết quả nghiên cứu. Thực hiện được các đề tài nghiên cứu ở mức độ cơ bản.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Với kiến thức, năng lực chuyên môn đã được trang bị trong nhà trường, sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Giáo viên vật lý, KHTN ở các trường phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên.
- Chuyên viên tại các Sở, Ban, Ngành có sử dụng các kiến thức cơ bản về Vật lý.
- Nghiên cứu viên tại các cơ quan nghiên cứu liên quan đến Vật lý.

- Kỹ thuật viên tại các cơ sở ứng dụng KHKT sản xuất, dịch vụ liên quan đến Vật lý.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân đại học ngành Sư phạm Vật lý không những được trang bị các kiến thức và kỹ năng làm việc mà còn được cung cấp nền tảng kiến thức để có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước; học văn bằng hai ở các ngành phù hợp hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công việc.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Vật lý, Trường ĐHSP Hà Nội: https://hnue.edu.vn/daotaodaihoc/p/chuong-trinh-dao-tao-sua-doi-bo-sung-nganh-su-pham-vat-li-9152

- Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Vật lý, Trường ĐHSP Thành Phố HCM: https://drive.google.com/file/d/1Ix-s6FPAx7ZRvdPy8Ypuzm5qKhS97zOx/view

- Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Vật lý, Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP: https://tnue.edu.vn/articletraining/viewlist.aspx?catid=3482

- Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Vật lý, Đại học Vinh, Trường ĐHSP: https://vinhuni.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-c02.01.03l0vp0a0.html

KT. HIỆU TRƯỞNG **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**	**TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	
PGS.TS. Đậu Bá Thìn	**PGS.TS. Trần Thị Hải**